

MÔ HÌNH BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN DI SẢN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG*

Tóm tắt: Việt Nam là quốc gia sở hữu một kho tàng di sản văn hóa phong phú về loại hình, đa dạng về chủng loại, trong đó có những di tích được UNESCO công nhận như: Quần thể di tích Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Di sản Mỹ Sơn, Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long, Thành nhà Hồ, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, vịnh Hạ Long và Quần thể danh thắng Tràng An. Hiện nay, công tác quản lý những di sản này thường theo mô hình “bảo tồn thôn tính” hoặc “bảo tồn cạnh tranh”, về ngắn hạn phương pháp quản lý này đem lại lợi ích kinh tế, nhưng về dài hạn tiềm ẩn nguy cơ hủy hoại các yếu tố gốc và cản trở phát triển bền vững của di sản. Từ kinh nghiệm quản lý di sản thế giới ở Hàn Quốc và Thái Lan, bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược đầu tư dài hạn và có chiều sâu. Đặc biệt, những quốc gia này áp dụng mô hình “Bảo tồn cộng sinh” nhằm giảm áp lực di sản, tạo nguồn sinh kế cho cộng đồng và tái đầu tư cho di sản.

Từ khóa: quy hoạch bảo tồn, di sản thế giới, bảo tồn phát triển.

Abstract: Vietnam is a country possessing a treasure trove of cultural heritages rich in types and diverse in species, including UNESCO-recognized relics such as: Hue Monuments Complex, Hoi An Ancient Town, My Son Sanctuary, Thang Long Imperial Citadel, Ho Dynasty Citadel, Phong Nha - Ke Bang National Park, Ha Long Bay and Trang An Scenic Landscape Complex. Currently, the management of these heritages often follows the model of “acquisitional conservation” or “competitive conservation”. In the short term, this management method brings economic benefits, but in the long term, it potentially destroys original elements and hinders the sustainable development of the heritage. From the experience of managing world heritages in Korea and Thailand, the article emphasizes the importance of building a long-term and in-depth investment strategy. In particular, these countries apply the model of “Symbiosis Conservation” to reduce pressure on heritage, create livelihoods for the community and reinvest in heritage.

Keywords: conservation model, world heritage, conservation development, heritage planning.

1. Dẫn nhập

Nghiên cứu về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa từ lâu đã được các học giả trong và ngoài nước quan tâm. Mỗi quan điểm bảo tồn đều có hạn chế riêng và cần được áp dụng phù hợp với từng loại hình di sản. Hiện nay, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, vẫn áp dụng mô hình “đóng băng” di sản nhằm tránh tác động tiêu cực do khai thác thiếu kiểm soát, nhưng cách tiếp cận này lại hạn chế khả năng nhận diện toàn diện di sản và có thể cản trở phát triển. Bên cạnh đó, quản lý nhà nước về di sản thế giới ở Việt Nam còn thiếu thống nhất, dẫn đến xâm hại vùng lõi và suy giảm các yếu tố gốc.

Thực tiễn cho thấy quản lý di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam chủ yếu theo mô hình “thôn tính”

hoặc “cạnh tranh”, mang lại lợi ích trước mắt nhưng ảnh hưởng tiêu cực về lâu dài. Ngược lại, nhiều quốc gia phát triển áp dụng mô hình “bảo tồn cộng sinh”, giúp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, biến di sản thành động lực cho tăng trưởng bền vững.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm quốc tế, các nhà khoa học đã đề xuất nhiều quan điểm bảo tồn như bảo tồn nguyên gốc, bảo tồn kế thừa hay bảo tồn gắn với phát triển. Ở Việt Nam, việc đồng nhất di sản với di tích lịch sử, kiến trúc, khảo cổ trong một thời gian dài khiến mô hình “đóng băng” chiếm ưu thế, làm giảm tính năng động của di sản. Tuy nhiên, quan điểm bảo tồn đã có sự chuyển biến, hướng đến việc coi di sản trong mối quan hệ gắn kết với cộng đồng, phù hợp tinh thần UNESCO và ICOMOS về sự tham

gia của cộng đồng và yêu cầu thiết lập vùng đệm, vùng ảnh hưởng để bảo vệ tính toàn vẹn di sản.

Trong bối cảnh đa dạng loại hình di sản và những hạn chế về cơ chế, chính sách, việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản thế giới ở Việt Nam trở thành nhiệm vụ cấp thiết. Bài viết vì vậy sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu và phân tích pháp lý để đối chiếu các mô hình bảo tồn, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm phù hợp cho quản lý di sản thế giới ở Việt Nam.

3. Các mô hình bảo tồn di sản

Mô hình thôn tính di sản

Mô hình này xuất phát từ việc xây dựng các dự án cùng một vị trí, hoặc tranh đoạt không gian với di sản. Yếu tố này xuất hiện khi địa điểm khu vực di sản quá đặc địa, hoặc là nhu cầu phát triển đến mức không thể thỏa hiệp với bảo tồn, hoặc là ý thức và luật lệ quy định về bảo tồn còn kém. Hệ quả là di sản bị phá hủy hoàn toàn hoặc mất đi yếu tố cốt lõi. Tuy mô hình này đem lại lợi ích ngắn hạn cho phát triển kinh tế, nhưng nó lại gây tổn hại nghiêm trọng đến di sản và làm mất đi những yếu tố gốc về lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật.

Mô hình cạnh tranh di sản

Mô hình này gồm có di sản và các khu vực phát triển cùng trong một không gian hữu hạn. Các dự án chiếm dụng không gian của di sản, khiến cho di sản phải chịu sự tác động tiêu cực. Ngược lại, di sản chiếm hữu các không gian vốn chỉ phù hợp để phát triển gây cản trở cho đầu tư phát triển. Đây là mô hình phổ biến tại các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, mô hình này cũng xuất hiện những khó khăn về bảo tồn và phát triển cùng lúc và đặt ra những vấn đề va chạm lợi ích của các bên liên quan.

Mô hình cộng sinh di sản

Mô hình này tập trung vào xây dựng mối quan hệ cộng sinh giữa bảo tồn di sản và phát triển, bao gồm: không gian bảo tồn nguyên trạng di sản; vùng đệm không gian sáng tạo văn hóa; không gian phát triển hoạt động dịch vụ; không gian phát triển hoạt động du lịch; khu vực dân cư địa phương sinh sống xung quanh khu vực di sản và khu vực tái định cư. Việc thiết lập các không gian riêng biệt này nhằm đảm bảo cho việc bảo tồn tại và phát triển một cách hài hòa, tạo ra sự cân bằng giữa nhu cầu phát triển và bảo vệ những giá trị nguyên gốc của di sản.

4. Kết quả nghiên cứu và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Bảo tồn và phát huy di sản thế giới ở Việt Nam

Tính đến nay, Việt Nam có 8 di sản thế giới được UNESCO công nhận, gồm 5 di sản văn hóa, 2 di sản

thiên nhiên và 1 di sản hỗn hợp. Công tác quản lý các di sản này hiện do nhiều cấp khác nhau đảm nhiệm, từ UBND huyện (nay là xã, phường), sở văn hóa đến UBND tỉnh/thành phố, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong mô hình quản lý, ảnh hưởng đến cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư cho bảo tồn và khai thác giá trị di sản.

Xét theo đặc điểm, di sản thế giới ở Việt Nam gồm di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và di sản hỗn hợp. Thực tế quản lý cho thấy phần lớn di sản vận hành theo mô hình “bảo tồn thôn tính” hoặc “bảo tồn cạnh tranh”. Với mô hình thôn tính, như tại Thánh địa Mỹ Sơn, một số hoạt động dịch vụ vẫn được phép tổ chức trong khu vực bảo tồn, gây áp lực lên không gian di sản. Hoàng thành Thăng Long cũng xuất hiện tình trạng tương tự khi cho phép tổ chức sự kiện và dịch vụ phục vụ du khách trong phạm vi di tích.

Phố cổ Hội An là ví dụ tiêu biểu của mô hình bảo tồn cạnh tranh, khi sự phát triển mạnh của các tuyến phố du lịch vùng ven tạo sức ép lên hạ tầng và cảnh quan khu phố cổ. Thành Nhà Hồ và Quần thể di tích Cố đô Huế cũng gặp thách thức trong quản lý vùng đệm và kiểm soát hoạt động dịch vụ, dân cư xen cài trong phạm vi bảo tồn.

Nhìn chung, các mô hình này mang lại lợi ích kinh tế ngắn hạn, nhưng tiềm ẩn nguy cơ chiếm dụng và tác động tiêu cực đến yếu tố gốc của di sản. Nguồn thu từ du lịch dễ thất thoát và chưa được tái đầu tư hiệu quả. Bên cạnh đó, sự phân cấp quản lý không thống nhất tiếp tục là nguyên nhân làm giảm hiệu quả bảo tồn di sản thế giới tại Việt Nam.

Một số luận bàn về bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Nhìn lại hoạt động bảo tồn di sản văn hóa thế giới ở một số nước châu Á có sự tương đồng về văn hóa cho chúng ta những bài học kinh nghiệm trong việc bảo tồn, khai thác giá trị di sản của di sản văn hóa thế giới. Khi tham quan di sản thế giới nổi tiếng của Hàn Quốc như Cung điện Changdeokgung ở thành phố Seoul; Chùa Haeinsa (Trung tâm Thiền tông Hàn Quốc) ở phía Nam tỉnh Gyeongsang, làng truyền thống Hahoe và Yangdong ở phía Bắc tỉnh Gyeongsang... đều có đặc điểm chung về môi trường và cảnh quan thiên nhiên trong khu vực di sản rất được coi trọng, không có bất kỳ cơ sở dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí nào được phép hoạt động trong khu vực bảo tồn. Đối với các làng truyền thống, người dân luôn tuân thủ pháp luật về phạm vi vùng đệm bảo tồn di sản, chính quyền địa phương kiểm

soát chặt chẽ các hoạt động dịch vụ có nguy cơ chiếm dụng không gian bảo tồn và phát triển của di sản. Chính phủ Hàn Quốc ban hành chính sách nhất quán về quản lý di sản, thông qua các di sản để quảng bá các ngành công nghiệp văn hóa ra khắp thế giới. Chính quyền và người dân đều có nhận thức tôn trọng di sản, không đánh đổi những lợi ích trước mắt dẫn đến nguy cơ hủy hoại di sản.

Những năm gần đây, Thái Lan đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn nhờ lợi thế khai thác hiệu quả di sản văn hóa thế giới. Tiêu biểu phải kể đến Cố thành Ayutthaya thuộc tỉnh Ayutthaya có diện tích bảo vệ 2.556 km², bao gồm hệ thống đền, chùa và bảo tàng lưu giữ nhiều di vật, cổ vật nổi tiếng gắn với các triều đại hoàng gia Thái Lan. Khu bảo tồn động vật hoang dã Thungyai - Huai Kha Khaeng có diện tích 622.200ha được coi là một trong những khu bảo tồn thiên nhiên lớn nhất ở Đông Nam Á. Khu vực này được bảo vệ nghiêm ngặt nên còn bảo tồn được nhiều loại động thực vật quý hiếm, đang có nguy cơ tuyệt chủng, trong đó nhiều loài có mối quan mật thiết với động thực vật của Trung Quốc - Himalaya, Sundaic, Ấn Độ - Miến Điện và Ấn Độ - Trung Quốc. Để quản lý các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, Chính phủ Thái Lan đã xây dựng kế hoạch quản lý tổng thể các di sản thế giới, trong đó nêu cụ thể các chương trình, hành động bảo tồn các di sản tôn giáo, di chỉ khảo cổ học, di tích bất động sản (đô thị di sản) và thiên nhiên hoang dã; phát triển các phương pháp quản lý tích cực để giải quyết các thách thức về bảo tồn di sản; phân bổ ngân sách hằng năm cho hoạt động quản lý các di sản thế giới, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ nhân viên thường trực; cung cấp thiết bị và hỗ trợ một số chương trình nghiên cứu bảo tồn di sản. Chính phủ Thái Lan còn cam kết đầu tư liên tục để tăng cường bảo vệ di sản thế giới, cũng như kêu gọi sự ủng hộ của các doanh nghiệp và cộng đồng tăng cường đầu tư phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa dựa trên tiềm năng của di sản để tạo nguồn thu, một phần được trích ra đóng góp vào quỹ bảo tồn di sản văn hóa.

Thực tiễn quản lý di sản thế giới của Hàn Quốc và Thái Lan cho thấy, có nhiều điểm khác biệt, điều này phụ thuộc vào yếu tố văn hóa và thể chế chính trị của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, điểm chung nhất trong mô hình quản lý là đầu tư cho di sản có chiến lược dài hạn và chiều sâu, các cơ quan chính phủ chuyên trách quản lý di sản chỉ đóng vai trò là cánh tay nối dài trong việc đưa ra quyết sách bảo tồn di sản văn hóa. Bên cạnh đó, việc thống nhất mô hình

quản lý nhà nước đã giải quyết nhanh chóng và hiệu quả những vấn đề nảy sinh trong quá trình bảo tồn, khai thác di sản. Trong đó, vấn đề then chốt để quản lý bền vững, lâu dài các di sản thế giới của những quốc gia trên là họ áp dụng mô hình quản lý bảo tồn cộng sinh di sản, nghĩa là tạo ra các trung tâm mới, không gian sáng tạo văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản, vừa tạo sinh kế cho cộng đồng cư dân địa phương, vừa đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế đóng góp ngân sách cho nhà nước và tái đầu tư cho di sản, góp phần làm giảm áp lực lên khu vực di sản.

Từ những bài học kinh nghiệm về mô hình quản lý bảo tồn cộng sinh di sản trên thế giới, có thể tham khảo, học hỏi và áp dụng phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam. Như vậy, trên phương diện bảo tồn di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam, công tác quản lý nhà nước còn tồn tại một số hạn chế. *Một là*, chưa thống nhất mô hình quản lý di sản thế giới, dẫn đến phân tán nguồn lực, hoặc phân bổ và sử dụng nguồn lực chưa hiệu quả. *Hai là*, chưa xây dựng chiến lược dài hạn và có chiều sâu để áp dụng bảo tồn cho từng loại di sản. *Ba là*, chưa tạo lập được quỹ bảo tồn di sản thế giới. *Bốn là*, trong việc thực hiện Luật Di sản văn hóa của Việt Nam và Công ước Di sản Thế giới của UNESCO về bảo tồn sự toàn vẹn của di sản thế giới chưa có chế tài đủ mạnh và có sức răn đe những sai phạm về di sản. *Năm là*, công tác quản lý bảo tồn di sản gắn với phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn cần phải được tăng cường. Trong đó, thể mạnh và tiềm năng của di sản chưa trở thành ngành công nghiệp văn hóa để hỗ trợ cho di sản. Từ những vấn đề nêu trên, chúng tôi cho rằng một số giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới như sau:

Thống nhất mô hình quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di sản thế giới. Đối với loại hình di sản này cần giao cho UBND cấp tỉnh/ thành phố trực tiếp quản lý, nhằm hạn chế khâu trung gian, rút ngắn được thời gian và đơn giản hóa thủ tục đầu tư, triển khai các dự án bảo tồn di sản. Với lợi thế quản lý nhà nước cấp tỉnh/ thành phố, những chủ thể này có khả năng huy động các nguồn lực của nhà nước, các quỹ đầu tư phi chính phủ dành cho di sản; đáp ứng được nguồn nhân lực có chất lượng trong việc thực thi nhiệm vụ quản lý, giám sát hoạt động bảo tồn, khai thác giá trị của di sản.

Xây dựng chiến lược dài hạn thông qua các đề án, dự án bảo tồn di sản văn hóa thế giới gắn với phát triển bền vững, lấy không gian của di sản làm trọng tâm phát triển gắn với tổ chức cộng đồng dân cư địa phương. Chẳng hạn, các di sản tọa lạc ở nơi không

có sự gắn kết với khu vực dân cư thì có thể áp dụng mô hình cộng đồng ngoài lề (chuyển cộng đồng ra khỏi khu vực di sản). Đối với đô thị di sản (phố cổ) cần áp dụng mô hình cộng đồng chủ nhân (đề cao vai trò của người dân địa phương, tạo điều kiện cho họ tự bảo tồn di sản của mình và hình thức sở hữu). Mô hình cộng đồng chủ nhân có vai trò đặc biệt quan trọng và quyết định việc quản lý bảo tồn di sản gắn với phát triển bền vững.

Tạo lập quỹ bảo tồn di sản thế giới nhằm huy động các nguồn tài chính ở trong nước và các quỹ phi chính phủ ở nước ngoài thông qua Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, phối hợp với Bộ VH-TT-DL, Sở VH-TT-DL và chủ thể quản lý nhà nước thực hiện đầu tư kinh phí, kiểm định chất lượng các dự án tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di sản.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với các chủ thể quản lý nhà nước trong việc thực thi Luật Di sản văn hóa của Việt Nam và Công ước Di sản Thế giới của UNESCO. Cần thống nhất trong nhận thức chung đối với các cấp chính quyền, nơi sở hữu di sản thế giới không đánh đổi những lợi ích kinh tế trước mắt có thể làm hủy hoại di sản, hoặc sự toàn vẹn của di sản. Đối với những di sản văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, di chỉ khảo cổ... có vị trí và không gian đặc địa, cần nghiêm cấm tuyệt đối các hoạt động dịch vụ mang yếu tố tranh đoạt không gian bảo tồn di sản. Đối với các đô thị di sản (di tích bất động sản và cư dân), cần thực hiện nghiêm túc quy hoạch phân vùng bảo tồn, hạn chế tối đa các hoạt động thương mại dịch vụ chiếm dụng không gian của di sản, có nguy cơ tác động tiêu cực đến sự toàn vẹn của di sản. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng cư dân sinh sống xen kẽ với di sản thực hiện nghiêm túc những quy định của pháp luật về bảo tồn di sản thế giới, có chế tài đủ mạnh và có sức răn đe những trường hợp có hành vi xâm hại di sản.

Thay vì nguồn thu ngắn hạn từ hoạt động dịch vụ đơn lẻ tại di sản, cần tạo cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển các sản phẩm văn hóa dựa trên tiềm năng và đặc thù của di sản. Công tác quản lý bảo tồn di sản phải gắn với phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Nghĩa là kiến tạo một không gian phát triển mới bên cạnh vùng đệm của di sản để trở thành không gian sáng tạo văn hóa, nghệ thuật có sức lan tỏa, góp phần tạo lực hấp dẫn và làm gia tăng giá trị của di sản nhằm thu hút khách du lịch, tạo sinh kế cho cộng đồng, tăng nguồn thu dành cho bảo tồn di sản.

5. Kết luận

Việt Nam là một trong những quốc gia sở hữu hệ thống di sản văn hóa, thiên nhiên thế giới có giá trị tiêu biểu mang tính toàn cầu. Trong xu thế hội nhập với khu vực và thế giới đã đặt ra cho công tác quản lý di sản thế giới ở Việt Nam những khó khăn, thách thức trong việc tạo lập sự cân bằng giữa bảo tồn và phát triển. Việc tham khảo, học hỏi những bài học kinh nghiệm quản lý di sản ở một số quốc gia sẽ giúp Việt Nam lựa chọn và áp dụng mô hình quản lý phù hợp và hiệu quả. Việc lựa chọn mô hình quản lý bảo tồn cộng sinh di sản sẽ bảo tồn toàn vẹn giá trị di sản trước những tác động về phát triển kinh tế, hủy hoại môi trường; hình thành khu vực phát triển du lịch, tạo sinh kế cho cộng đồng địa phương; tạo khu vực chuyển tiếp nhằm khai thác thương hiệu di sản; hình thành khu vực sáng tạo di sản mới, góp phần tạo lực hấp dẫn và làm tăng giá trị di sản trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Mô hình quản lý này giúp triệt tiêu các mâu thuẫn không đáng có giữa bảo tồn và phát triển ■

N.M.C

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 109/2017/NĐ-CP, ngày 21-9-2017 của Chính phủ Quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới ở Việt Nam.
 2. Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, ngày 7-5-2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch.
 3. Nghị định số 58/2023/NĐ-CP, ngày 12-8-2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7-5-2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.
 4. Quyết định số 1915/QĐ-TTg, ngày 30-12-2008 của Thủ tướng Phê duyệt dự án Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích Mỹ Sơn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2008-2020.
 5. Quyết định số 696/QĐ-TTg, ngày 8-6-2012 của Thủ tướng Phê duyệt quy hoạch tổng thể trung tâm Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, thành phố Hà Nội.
 6. Quyết định số 315/QĐ-UBND, ngày 11-2-2020 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt Kế hoạch quản lý Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030.
 7. Quyết định số 1216/QĐ-TTg, ngày 12-8-2015 của Thủ tướng Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị di tích Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận gắn với phát triển du lịch.
 8. Báo cáo 25 - Di sản thế giới và vùng đệm, Hội nghị Chuyên gia UNESCO, Davos, Thụy Sĩ 2008.
- Ngày Tòa soạn nhận bài: 15-9-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 25-11-2025; Ngày duyệt đăng: 26-11-2025.*